

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TP. BUÔN MA THUỘT **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 131/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30/9/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình.

2. Bà Nguyễn Thị Bạ.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 135/2021/TLST-HNGĐ ngày 09/3/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2021/QĐXX-ST ngày 18/6/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2021/QĐHPT ngày 27/9/2021, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Bà Mai Trúc L; Sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ dân phố 00, phường Kh, thành phố B, Đắk Lắk. (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Nh; Sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ dân phố 00, phường Kh, thành phố B, Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn bà Mai Trúc L trình bày như sau:

Tôi và anh ông Nguyễn Văn Nh kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Kh, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 26/02/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống chung hạnh phúc được khoảng sáu năm, đến năm 2008 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng

quan điểm, ông Nh không tu chí làm ăn, thường có hành vi bạo lực với vợ con, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, mặc dù tôi đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành, hiện vợ chồng không còn không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng. Do vậy, tôi nộp đơn đến Tòa án để yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Văn Nh.

Về con chung: Trong quá trình chung sống tôi và ông Nh có 02 con chung là cháu Nguyễn Thế V, sinh ngày 27/10/2002; cháu Nguyễn Thế H, sinh ngày 02/11/2005. Nguyên vọng của tôi là được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H đến khi đủ tuổi thành niên và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu V đã thành niên nên ở với ai là quyền của cháu, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08/4/2021 cháu Nguyễn Thế H có nguyện vọng xin được sống với mẹ.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Nh: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo hợp lệ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông Nh không đến Tòa án để lập bản tự khai, tham gia phiên họp, phiên hòa giải nên không có lời khai của ông Nguyễn Văn Nh.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương phường Kh, thành phố B thể hiện: Ông Nguyễn Văn Nh và bà Mai Trúc L chung là vợ chồng có Đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND phường Kh, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 22/11/2005. Quá trình sinh sống tại địa phương thời gian gần đây ông Nh bà L phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Nh không chí thú làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chính quyền địa phương đã hòa giải nhiều lần song không có kết quả.

Tại phiên tòa: Bà Mai Trúc L vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn Nh vắng mặt không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; Thành phần HĐXX tại phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Văn Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia phiên họp, phiên hòa giải là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70; Điều 71, Điều 72; Điều 203; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Mai Trúc L.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Mai Trúc L ly hôn ông Nguyễn Văn Nh.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thế H, sinh ngày 02/11/2005 cho bà Mai Trúc L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ tuổi thành niên, về cấp dưỡng tiền nuôi con chung bà L không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Thế V, sinh ngày 27/10/2002, hiện nay anh V đã đủ tuổi thành niên do vậy anh V có quyền tự chọn cuộc sống riêng của mình nên không cần đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Mai Trúc L không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Mai Trúc L, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là: “ Ly hôn, tranh chấp về con chung ” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền: Tại thời điểm bà Mai Trúc L khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Văn Nh cư trú tại phường Kh, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa lần thứ nhất ông Nguyễn Văn Nh vắng mặt nên HĐXX đã hoãn phiên tòa và tiếp tục tổng đạt giấy báo tham gia phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Nh. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông Nh vẫn vắng mặt không có lý là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự; bà Mai Trúc L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Trúc L và ông Nguyễn Văn Nh chung sống với nhau từ năm từ năm 2002 trên cơ sở tự nguyện có Đăng ký kết hôn tại UBND phường Kh, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 22/11/2005. Như vậy, hôn nhân của bà L, ông Nh là hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, sau khi kết hôn bà L, ông Nh chỉ sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên bà L ông Nh thường xuyên cãi nhau. Từ những khúc mắc, mâu thuẫn ban đầu nhưng ông bà không tự dàn xếp được dẫn đến mâu thuẫn ngày một trầm trọng hơn. Kết quả xác minh tại địa phương phường Kh, thành phố B thể hiện: Quá trình sinh sống tại địa phương bà L, ông Nh thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông Nh không chí thú làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chính quyền địa phương đã hòa giải nhiều lần song không có kết quả. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa bà L, ông Nh không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật hôn nhân cho bà Mai Trúc L ly hôn ông Nguyễn Văn Nh là phù hợp.

[3.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Mai Trúc L và ông Nguyễn Văn Nh có 02 người con chung là Nguyễn Thế V, sinh ngày 27/10/2002 và Nguyễn Thế H, sinh ngày 02/11/2005. Hiện nay anh V đã đủ tuổi thành niên anh V có quyền lựa chọn cuộc sống riêng của mình nên Tòa án không đề cập giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Thế H, sinh ngày 02/11/2005, quá trình giải quyết vụ án cháu có nguyện vọng sống với mẹ, bản thân bà L cũng có nguyện vọng xin nuôi dưỡng cháu H. Do vậy, HĐXX áp dụng các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, giao cháu Nguyễn Thế H cho bà Mai Trúc L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu H đủ tuổi thành niên là phù hợp.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Bà Mai Trúc L không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Mai Trúc L không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Mai Trúc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 203, Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình .

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Mai Trúc L.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Mai Trúc L ly hôn ông Nguyễn Văn Nh.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thế H, sinh ngày 02/11/2005 cho bà Mai Trúc L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu H đủ tuổi thành niên.

Sau ly hôn người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con chung nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Bà Mai Trúc L không yêu cầu ông Nguyễn Văn Nh cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không đặt ra giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Thế V, sinh ngày 27/10/2002 hiện nay đã thành niên anh V có quyền lựa chọn cuộc sống riêng của mình, nên HĐXX không đặt ra giải quyết

- Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Mai Trúc L không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Bà Mai Trúc L phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA2019/0013928 ngày 03/3/2021 .

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS TP.B;
- UBND phường Kh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền

